

Số: ~~197~~/2024/CBTT-TOS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ~~29~~ tháng ~~8~~ năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UBCK
NHÀ NƯỚC, SỞ GDCK HÀ NỘI VÀ CỦA DOANH NGHIỆP

V/V: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024
(Báo cáo riêng)

Kính gửi: : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 028 7300 6826 Fax: 028 3535 5423
- E-mail: info@tco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng công bố Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024 (Báo cáo riêng).
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ~~29~~ / ~~8~~ /2024 tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/cong-bo-thong-tin/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2024 (Báo cáo riêng).

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 198-24/CV-TCO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng 6 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

- Mã chứng khoán: TOS
- Địa chỉ: Số 52 – 54 Trương Văn Bang, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên hệ: (+84) 28 7300 6826 Fax: (+84) 28 3535 5423
- Email: info@tco.com.vn Website: <https://tancangoffshore.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng 6 tháng đầu 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không 

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: **29/8/2024** tại đường dẫn: https://tancangoffshore.com/invester_cat/bao-cao-tai-chinh/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng 6 tháng đầu năm 2024

Đại diện tổ chức ✓

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đăng Phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 7300 6826
- Fax : 028 3535 5423

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Huy Vũ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Số: 2.0545/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		911.062.233.788	836.947.853.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	102.249.353.089	241.698.100.328
1. Tiền	111		62.749.353.089	114.698.100.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.500.000.000	127.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		614.675.386.496	434.088.112.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	509.954.072.682	425.530.285.806
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.555.793.473	5.294.418.066
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	99.433.496.746	25.777.038.605
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(21.267.976.405)	(22.513.629.532)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		166.146.791.399	147.553.033.263
1. Hàng tồn kho	141	V.8	166.146.791.399	147.553.033.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.990.702.804	13.608.606.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.141.772.148	5.205.561.009
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.848.930.656	8.403.045.522
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.226.501.378.233	1.295.508.753.920
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.040.000.000	31.264.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	-	12.164.400.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	9.000.000.000	19.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		40.000.000	100.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		720.051.276.910	780.664.339.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	621.236.791.724	681.849.854.234
<i>Nguyên giá</i>	222		2.204.092.954.441	2.204.092.954.441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.582.856.162.717)	(1.522.243.100.207)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	98.814.485.186	98.814.485.186
<i>Nguyên giá</i>	228		99.263.085.186	99.263.085.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.320.683.163	4.642.983.158
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	38.320.683.163	4.642.983.158
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	400.514.270.000	364.746.770.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		210.722.400.000	210.722.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		189.791.870.000	154.024.370.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		58.575.148.160	114.190.261.342
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	58.575.148.160	114.190.261.342
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.137.563.612.021	2.132.456.606.987

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.285.787.777.390	1.313.341.906.729
I. Nợ ngắn hạn	310		807.409.832.905	733.536.991.942
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	198.048.767.937	216.353.068.089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	44.344.302.200	9.473.381.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21.805.587.000	25.003.180.747
4. Phải trả người lao động	314		8.957.820.409	11.632.184.589
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	95.880.428.837	60.470.305.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	99.361.222.597	99.361.222.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	73.569.506.302	55.772.933.670
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	263.184.055.371	247.032.648.390
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.258.142.252	8.438.066.536
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		478.377.944.485	579.804.914.787
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	49.680.611.293	99.361.222.597
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	428.697.333.192	480.443.692.190
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG
 HỒ CHÍ MINH
 BỘ CÔNG NGHIỆP
 TÀI CHÍNH VÀ THƯƠNG MẠI
 A
 TÀI
 3 E

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		851.775.834.631	819.114.700.258
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	851.775.834.631	819.114.700.258
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	309.998.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		325.021.116.226	279.932.828.816
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		189.883.292.626	202.310.445.663
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		107.716.443.426	202.310.445.663
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.166.849.200	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.137.563.612.021	2.132.456.606.987

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	706.243.293.452	428.895.241.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		706.243.293.452	428.895.241.922
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	544.239.338.684	325.889.534.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.003.954.768	103.005.706.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.628.862.150	3.352.670.598
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.196.172.905	35.536.988.489
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.443.955.086	34.551.866.075
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.518.789.452	556.453.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	37.981.869.080	30.127.015.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101.935.985.481	40.137.919.885
11. Thu nhập khác	31	VI.7	333.613.018	3.578.812.308
12. Chi phí khác	32	VI.8	347.976.431	523.794.843
13. Lợi nhuận khác	40		(14.363.413)	3.055.017.465
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		101.921.622.068	43.192.937.350
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	19.754.772.868	4.666.729.075
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.166.849.200	38.526.208.275
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		101.921.622.068	43.192.937.350
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-11	60.613.062.510	74.763.903.071
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	-	1.998.902.204
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	334.846.739	200.237.237
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.024.079.934)	(1.043.930.710)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	28.443.955.086	34.551.866.075
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		189.289.406.469	153.663.915.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(106.965.305.214)	50.283.679.977
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.593.758.136)	(63.471.635.059)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.872.228.308	7.837.427.002
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		56.678.902.043	13.748.862.179
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.678.641.227)	(36.880.182.640)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(24.119.068.156)	(54.669.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(9.185.810.111)	(8.435.518.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.297.953.976	116.691.878.012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.561.560.695)	(107.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(67.160.000.000)	(17.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		77.160.000.000	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(114.692.500.000)	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.768.374.176	712.450.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(133.485.686.519)	(133.287.549.564)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	222.993.473.781	284.324.448.047
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(258.588.425.798)	(252.500.219.955)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.705.070.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.300.022.517)	31.824.228.092
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(139.487.755.060)	15.228.556.540
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	241.698.100.328	96.266.569.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39.007.821	(5.118.317)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.11	102.249.353.089	111.490.007.392

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến



Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Số 52 – 54 Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vớt, nạo vét công trình thủy.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, số 808 Lê Hồng Phong, phường Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Hoạt động cung cấp kho bãi và lưu giữ hàng hóa	51,00%	100%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa	31,00%	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Số 16-18 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	NQ 10-15, Nguyệt Quế 10, Khu đô thị Vinhomes Star City, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	35,00%	35,00%	35,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 371 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 329 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.597.993.816	1.129.918.606
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.151.359.273	113.218.181.722
Tiền đang chuyển	-	350.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	39.500.000.000	127.000.000.000
Cộng	102.249.353.089	241.698.100.328

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 5.000.000.000 VND và ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền 2.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	210.722.400.000	-	210.722.400.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Nạo vét Công trình Tân Cảng	35.700.000.000	-	35.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	189.791.870.000	-	154.024.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	-	121.249.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	-	22.275.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid ⁽ⁱ⁾	17.767.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng ⁽ⁱⁱ⁾	18.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Yico Việt Nam	10.500.000.000	-	10.500.000.000	-
Cộng	400.514.270.000	-	364.746.770.000	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Cổ phần/ Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Cổ phần/ Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	5.100.000 CP	51,00%	5.100.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	3.000.000 CP	66,67%	3.000.000 CP	66,67%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	6.402.240 CP	54,00%	6.402.240 CP	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	3.570.000 CP	51,00%	3.570.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu	3.000.000 CP	51,00%	3.000.000 CP	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270 CP	31,00%	3.911.270 CP	31,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	2.025.000 CP	45,00%	2.025.000 CP	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam	1.050.000 CP	35,00%	1.050.000 CP	35,00%
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	17.767.500.000 VND	50,00%	-	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng	1.800.000 CP	36,00%	-	-

(i) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid (sau đây gọi tắt là “TC Mermaid”) với số vốn góp 17.767.500.000 VND (tương đương với 750.000 USD), chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ của TC Mermaid. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

(ii) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “TC Ngoài khơi”) với số vốn góp 18.000.000.000 VND (tương đương với 1.800.000 cổ phần phổ thông), chiếm tỷ lệ 36% vốn điều lệ của TC Ngoài khơi. TC Ngoài khơi đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0318354152 ngày 15/03/2024, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND (tương ứng với 5.000.000 cổ phần phổ thông). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư YICO Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu (“TCXC”), Đại hội đồng cổ đông của TCXC đã quyết định chấm dứt hoạt động kể từ tháng 6 năm 2024. Ngày 28 tháng 6 năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐQT, trong đó quyết định thông qua việc giải thể TCXC với lý do TCXC hoạt động không hiệu quả vì không tiếp tục triển khai dự án đầu tư như định hướng hợp tác thành lập doanh nghiệp ban đầu. Đến thời điểm hiện tại, TCXC chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể Công ty.
- Các Công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Kế hoạch góp vốn tại công ty liên kết

Ngày 06 tháng 06 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐQT về việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng (“TCS”) với tỷ lệ góp vốn là 43,785% vốn điều lệ của TCS. Việc góp vốn được thực hiện thông qua hình thức Công ty nhận chuyển nhượng 8.757.000 cổ phần tại TCS từ các cổ đông hiện hữu của TCS với giá chuyển nhượng dự kiến tối đa là 25.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần dự kiến là 218.925.000.000 VND. Thời gian hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng cổ phần là trong quý 2 năm 2024. Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng số cổ phần nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết
Xem thuyết minh VII.1

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng (TCOTS)		
TCOTS cung cấp dịch vụ	22.157.688.873	18.500.013.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho TCOTS	1.106.973.700	620.264.710
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang		
Chi phí lãi vay phải trả Công ty con	1.476.001.600	1.467.891.701
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc ("HHMB")		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho HHMB	5.805.936.705	5.603.522.000
Chi phí do HHMB cung cấp	4.228.835.978	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng (TCDG)		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho TCDG	17.983.262.000	14.400.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu		
Góp vốn	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry		
Chi phí do Gantry cung cấp	18.702.906.102	4.533.082.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Gantry	476.207.985	-
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Mermaid	24.112.880.000	-
Góp vốn	17.767.500.000	-
Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng		
Góp vốn	18.000.000.000	-

3. Phải thu của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	150.765.078.633	105.107.410.690
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	32.623.724.919	32.623.724.919
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	2.582.694.396	1.435.789.314
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	465.743.585	-
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	16.840.200.000	12.960.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ ngàem Tân Cảng Mermaid	10.512.880.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	19.020.272.576	580.942.200
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	68.719.563.157	57.506.954.257
Phải thu các khách hàng khác	359.188.994.049	320.422.875.116
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	86.343.633.187	81.238.359.937
SC Management Co.,Ltd	131.185.622.809	52.502.632.229
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)	5.093.934.565	7.662.918.634
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển	14.693.220.616	16.188.320.616
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	10.427.385.663	10.904.108.113
Marin East Company Limited	7.446.781.916	13.655.711.894
Aussie Offshore Services Limited	25.519.585.681	11.824.072.714
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	21.680.737.947
Các khách hàng khác	56.798.091.665	104.766.013.032
Cộng	509.954.072.682	425.530.285.806

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc. Khoản phải thu có thời hạn không quá 12 tháng tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán nên đã được Công ty phân loại lại sang khoản mục "Phải thu khách hàng ngắn hạn".

4. Ứng trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kawasaki Trading Co., Ltd	-	861.064.110
Ben Line Agencies (h.k.) Ltd	-	843.870.143
Công ty Luật TNHH Unilaw	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Mercury Lines (*)	8.075.000.000	-
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	10.262.207.751	-
Công ty TNHH Hàng hải và Dịch vụ Công nghiệp Levin	2.179.098.400	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghiệp Nguyễn Hưng	1.251.706.250	-
Các nhà cung cấp khác	4.287.781.072	3.089.483.813
Cộng	26.555.793.473	5.294.418.066

(*) Khoản ứng trước để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng (xem thuyết minh số V.2). Các khoản ứng trước này sẽ được bù trừ vào tiền mua cổ phần phải trả khi Công ty hoàn thành thủ tục được cấp quyền sở hữu các cổ phần của TCS.

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022, bổ sung bởi phụ lục 02-2023/PLHĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2023. Giá trị hợp đồng là 19.000.000.000VNĐ với thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry đã thanh toán trước hạn gốc vay cho Công ty với số tiền thanh toán là 10.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.084.150.120	-	16.250.203.915	-
Cổ tức phải thu:	9.603.360.000	-	9.603.360.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	9.603.360.000	-	9.603.360.000	-
Lãi vay phải thu:	1.845.369.864	-	6.527.473.971	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	-	-	5.389.282.190	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	1.845.369.864	-	1.138.191.781	-
Phải thu khác:	135.420.256	-	119.369.944	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	135.420.256	-	119.369.944	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn:	2.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	2.500.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	85.349.346.626	-	9.526.834.690	-
Dự thu lãi tiền gửi	12.762.192	-	74.952.327	-
Ký cược, ký quỹ	2.441.783.380	-	1.365.351.880	-
Tạm ứng	4.696.098.908	-	3.623.911.575	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Vinaconnect (*)	56.762.500.000	-	-	-
Công ty TNHH Mercury Lines (*)	14.087.500.000	-	-	-
Các khoản thu chi hộ	6.892.732.690	-	4.115.152.757	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	455.969.456	-	347.466.151	-
Cộng	99.433.496.746	-	25.777.038.605	-

(*) Khoản đặt cọc để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng (xem thuyết minh số V.2). Các khoản đặt cọc này sẽ được bù trừ vào tiền mua cổ phần phải trả khi Công ty hoàn thành thủ tục được cấp quyền sở hữu các cổ phần của TCS.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	-	-	-	Trên 3 năm	1.245.653.127	(1.245.653.127)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Trên 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)	Trên 3 năm	21.267.976.405	(21.267.976.405)
Cộng		21.267.976.405	(21.267.976.405)		22.513.629.532	(22.513.629.532)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	22.513.629.532	20.514.727.328
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.998.902.204
Sử dụng dự phòng để xóa nợ	(1.245.653.127)	-
Số cuối kỳ	21.267.976.405	22.513.629.532

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

Là nhiên liệu dự trữ cấp cho các tàu vận tải và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển ngoài khơi, cụ thể:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu	42.236.065.593	41.050.580.479
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	123.910.725.806	106.502.452.784
Cộng	166.146.791.399	147.553.033.263

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4.141.772.148	4.409.649.591
Chi phí kiểm tra, giám định tàu	-	622.111.418
Chi phí đăng kiểm	-	173.800.000
Cộng	4.141.772.148	5.205.561.009

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.253.815.814	26.443.459.219
Chi phí sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu	3.018.547.662	19.039.017.120
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	46.431.989.792	65.936.836.641
Các chi phí trả trước dài hạn khác	870.794.892	2.770.948.362
Cộng	58.575.148.160	114.190.261.342



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	434.155.654.077	987.985.491.114	779.779.997.721	973.591.274	1.198.220.255	2.204.092.954.441
Số cuối kỳ	434.155.654.077	987.985.491.114	779.779.997.721	973.591.274	1.198.220.255	2.204.092.954.441
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	416.008.714.510	557.778.837.535	3.684.165.357	973.591.274	1.198.220.255	979.643.528.931
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	416.558.163.512	851.337.843.274	252.175.281.892	973.591.274	1.198.220.255	1.522.243.100.207
Khấu hao trong kỳ	907.346.976	22.088.505.990	37.617.209.544	-	-	60.613.062.510
Số cuối kỳ	417.465.510.488	873.426.349.264	289.792.491.436	973.591.274	1.198.220.255	1.582.856.162.717
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	17.597.490.565	136.647.647.840	527.604.715.829	-	-	681.849.854.234
Số cuối kỳ	16.690.143.589	114.559.141.850	489.987.506.285	-	-	621.236.791.724
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 613.136.019.018 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	98.814.485.186	448.600.000	99.263.085.186
Số cuối kỳ	98.814.485.186	448.600.000	99.263.085.186
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	448.600.000	448.600.000
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	448.600.000	448.600.000
Số cuối kỳ	-	448.600.000	448.600.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	98.814.485.186	-	98.814.485.186
Số cuối kỳ	98.814.485.186	-	98.814.485.186

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 98.814.485.186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>		33.677.700.005	33.677.700.005
Mua sắm thiết bị ROV 150HP	-	32.488.472.732	32.488.472.732
Mua Xe toyota Fortuner 2.7 AT (*)	-	1.189.227.273	1.189.227.273
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (**)</i>	4.642.983.158	-	4.642.983.158
Dự án 52 - 58 Trần Phú Nha Trang	542.740.734	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.086.606.060	-	1.086.606.060
Cộng	4.642.983.158	33.677.700.005	38.320.683.163

(*) Tài sản đã được bàn giao đưa vào sử dụng trong tháng 07 năm 2024.

(**) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không thực hiện thêm và sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	61.661.178.431	38.765.670.449
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	1.992.986.776	5.285.194.370
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.078.262.055	5.524.192.835
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	28.901.588.180	14.835.897.300
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	7.030.800.000	5.560.300.000
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	4.311.789.882	2.143.682.556
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.300.000	190.596.626
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	3.999.258.144	2.098.981.565
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	10.331.193.394	3.126.825.197
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	136.387.589.506	177.587.397.640
Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn	13.052.460.000	390.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	19.660.427.144	25.619.104.855
Aussie Offshore Services Limited	4.603.349.884	7.835.445.889
Genmarca Shipping Limited	11.680.542.258	-
Công ty Cổ phần Hàng hải và Năng lượng Hải Mã	-	33.212.249.195
Các nhà cung cấp khác	87.390.810.220	110.530.197.701
Cộng	198.048.767.937	216.353.068.089

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	35.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	8.923.233.200
Các khác hàng khác	21.069.000	550.148.242
Cộng	44.344.302.200	9.473.381.442

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.552.152.093	(7.552.152.093)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.276.058.432	(3.276.058.432)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.090.632.697	-	19.754.772.868	(24.119.068.156)	19.726.337.409	-
Thuế thu nhập cá nhân	737.279.429	-	5.234.136.031	(3.985.076.569)	1.986.338.891	-
Các loại thuế khác	175.268.621	-	292.958.124	(375.316.045)	92.910.700	-
Cộng	25.003.180.747	-	36.110.077.548	(39.307.671.295)	21.805.587.000	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101.921.622.068	43.192.937.350
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.005.654.328	883.104.040
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.823.549.172	1.162.734.986
Chi phí không hợp lệ	3.794.001.378	1.061.023.299
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay	29.547.794	101.711.687
- Các khoản điều chỉnh giảm	(817.894.844)	(279.630.946)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay	-	(279.630.946)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối kỳ này	(817.894.844)	-
Thu nhập chịu thuế	104.927.276.396	44.076.041.390
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	104.927.276.396	44.076.041.390
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển	8.394.119.130	28.020.993.019
Thu nhập từ hoạt động khác	96.533.157.266	16.055.048.371
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	20.985.455.279	8.815.208.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(839.411.913)	(2.802.099.302)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(419.705.957)	(1.401.049.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.726.337.409	4.612.059.325
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	28.435.459	54.669.750
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	19.754.772.868	4.666.729.075

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>15.770.299.836</i>	<i>20.193.964.938</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	2.716.816.132	5.920.226.198
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa - Phí thuê tàu, phí cầu cảng	-	5.333.106.740
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái - Tiền ăn ca	71.474.400	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc - Phí thuê tàu	4.041.377.304	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>80.110.129.001</i>	<i>40.276.340.944</i>
Lãi vay phải trả	10.289.804.474	19.321.080.549
Chi phí thuê tàu phải trả	30.747.071.002	11.020.370.124
Chi phí nhiên liệu phải trả	7.914.887.615	5.172.364.042
Chi phí thuyền viên nước ngoài	6.336.714.426	3.497.842.052
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	22.898.318.762	1.264.684.177
Cộng	<u>95.880.428.837</u>	<u>60.470.305.882</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của khoản Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn thuê cầu Q20, Q21, Q22, Q26, Q27, cầu RTG6+1 năm 2024 và năm 2025, số tiền thuê tương ứng là 99.361.222.597 VND/năm.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>68.950.133.559</i>	<i>53.230.794.180</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	68.943.827.107	53.169.885.371
- Cổ tức phải trả	68.758.308.500	52.018.310.000
- Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	185.518.607	1.151.575.371
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng – Tiền chi hộ	5.000.000	5.000.000
Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.306.452	55.908.809
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>4.619.372.743</i>	<i>2.542.139.490</i>
Kinh phí công đoàn	264.928.203	113.874.950
Cổ tức phải trả	2.054.760.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	11.926.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	2.230.808.300
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	68.876.240	185.530.240
Cộng	<u>73.569.506.302</u>	<u>55.772.933.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	159.691.337.375	143.539.930.394
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	75.377.369.384	44.418.213.215
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	56.712.612.213	66.322.421.286
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	27.601.355.778	32.799.295.893
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	103.492.717.996	103.492.717.996
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	14.284.257.680	14.284.257.680
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	41.492.786.748	41.492.786.748
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	47.715.673.568	47.715.673.568
Cộng	263.184.055.371	247.032.648.390

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

Ngân hàng/Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Hợp đồng cấp tín dụng số 0067/2375/N-CTD ngày 03/07/2023	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	5,4%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng 161969.23.151.1131175.TD ngày 12/10/2023	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,5%/năm	02 cầu Container KOCKS (số hiệu Q20 và Q21) và 01 Tàu TC Royal
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng 01/2024/128272294/HDTD ngày 09/04/2024	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	4,9%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn Ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	143.539.930.394	103.492.717.996	247.032.648.390
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	222.993.473.781	-	222.993.473.781
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	51.746.358.998	51.746.358.998
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(206.842.066.800)	(51.746.358.998)	(258.588.425.798)
Số cuối kỳ	159.691.337.375	103.492.717.996	263.184.055.371

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn bên liên quan	72.494.545.000	72.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	36.494.545.000	36.494.545.000
Các cá nhân bên liên quan khác	36.000.000.000	36.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	242.402.788.192	294.149.147.190
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	129.419.753.618	150.166.146.992
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	26.386.687.459	33.528.816.299
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	86.596.347.115	110.454.183.899
Vay dài hạn các cá nhân	113.800.000.000	113.800.000.000
Cộng	428.697.333.192	480.443.692.190
Trong đó:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	278.897.333.192	330.643.692.190
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	149.800.000.000	149.800.000.000
Cộng	428.697.333.192	480.443.692.190

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn của các tổ chức:

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang				
Hợp đồng tín dụng ký năm 2020	Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh	05 năm	8%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 4/7/2023	Đầu tư tòa nhà văn phòng 52 Trương Văn Bang/ Hạn mức vay: 77.000.000.000 VND	7 năm	7,45 đến 9,2%/năm	Tòa nhà văn phòng
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu				
Hợp đồng ngày 04/5/2021	Đầu tư mua tàu TC Eagle	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 20/9/2023	Đầu tư mua tàu TC Saturn	05 năm	8,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa				
Hợp đồng ngày 12/6/2018	Đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer/ Hạn mức vay: 317.514.000.000 VND	106 tháng	7,5 đến 8,3%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng ngày 15/6/2022	Đầu tư mua tàu TAG14	60 tháng	7,9%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89 và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	118.000.000.000	118.000.000.000
Bên liên quan	35.000.000.000	35.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	83.000.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cá nhân khác	30.800.000.000	30.800.000.000
Cộng	149.800.000.000	149.800.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn bên liên quan	72.494.545.000	-	72.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	345.895.506.188	103.492.717.996	242.402.788.192	-
Vay dài hạn các cá nhân khác	113.800.000.000	-	113.800.000.000	-
Cộng	532.190.051.188	103.492.717.996	428.697.333.192	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	72.494.545.000	-	72.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	397.641.865.186	103.492.717.996	277.649.147.190	16.500.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	113.800.000.000	-	113.800.000.000	-
Cộng	583.936.410.186	103.492.717.996	463.943.692.190	16.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn các cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	294.149.147.190	72.494.545.000	113.800.000.000	480.443.692.190
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(51.746.358.998)	-	-	(51.746.358.998)
Số cuối kỳ	242.402.788.192	72.494.545.000	113.800.000.000	428.697.333.192

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.694.137.050	-	(3.913.611.111)	780.525.939
Quỹ phúc lợi	3.399.564.889	-	(3.272.199.000)	127.365.889
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	344.364.597	3.005.885.827	(2.000.000.000)	1.350.250.424
Cộng	8.438.066.536	3.005.885.827	(9.185.810.111)	2.258.142.252

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Kỳ trước					
Số dư đầu năm	309.998.860.000	237.741.139.791	191.659.351.178	26.872.565.779	766.271.916.748
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	42.191.689.025	(45.004.468.293)	-	(2.812.779.268)
Trích kinh phí hoạt động của Ban điều hành	-	-	(2.109.584.451)	-	(2.109.584.451)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(77.499.715.000)	-	(77.499.715.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	38.526.208.275	-	38.526.208.275
Số dư cuối kỳ	309.998.860.000	279.932.828.816	105.571.791.709	26.872.565.779	722.376.046.304
Kỳ này					
Số dư đầu năm nay	309.998.860.000	279.932.828.816	202.310.445.663	26.872.565.779	819.114.700.258
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	82.166.849.200	-	82.166.849.200
Trích lập các quỹ năm trước	-	45.088.287.410	(45.088.287.410)	-	-
Trích kinh phí hoạt động của Ban điều hành	-	-	(3.005.885.827)	-	(3.005.885.827)
Chia cổ tức từ lợi nhuận lũy kế cuối kỳ trước	-	-	(46.499.829.000)	-	(46.499.829.000)
Số dư cuối kỳ này	309.998.860.000	325.021.116.226	189.883.292.626	26.872.565.779	851.775.834.631

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	111.599.990.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	198.398.870.000
Cộng	309.998.860.000	309.998.860.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	30.999.886
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	30.999.886

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 46.499.829.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 45.088.287.410
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST) (*)	: 7.514.714.568
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST) (*)	: 7.514.714.568
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 3.005.885.827
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	: 2.109.584.451

(*) Đã tạm phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.782.977,03	2.479.814,37
Bath Thái (THB)	32.670,35	500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	626.562.682.148	347.214.348.916
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	79.680.611.304	81.680.893.006
Cộng	706.243.293.452	428.895.241.922

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ ngoài khơi	480.850.038.068	290.433.135.363
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	63.389.300.616	35.456.399.612
Cộng	544.239.338.684	325.889.534.975

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	2.024.079.934	1.043.930.710
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.604.782.216	2.308.739.888
Cộng	9.628.862.150	3.352.670.598

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.443.955.086	34.551.866.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	205.265.035	752.419.561
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	334.846.739	200.237.237
Chi phí tài chính khác	1.212.106.045	32.465.616
Cộng	30.196.172.905	35.536.988.489

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	1.518.789.452	556.453.182

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	21.577.417.041	18.351.504.874
Chi phí vật liệu quản lý	567.258.152	427.764.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	475.322.274	289.052.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.111.668	116.820.274
Thuế, phí và lệ phí	26.061.368	82.093.887
Dự phòng phải thu khó đòi	-	1.998.902.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.172.298.350	5.818.466.954
Các chi phí khác	6.157.400.227	3.042.411.153
Cộng	37.981.869.080	30.127.015.989

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường	60.300.000	3.521.405.450
Thu lãi chậm thanh toán tiền thuê tàu	258.513.018	-
Thu nhập khác	14.800.000	57.406.858
Cộng	333.613.018	3.578.812.308

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	347.976.431	472.891.903
Chi phí khác	-	50.902.940
Cộng	347.976.431	523.794.843

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.684.544.198	68.876.422.942
Chi phí nhân công	122.468.770.695	93.982.198.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.613.062.510	74.763.903.071
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.113.374.128	115.300.505.829
Chi phí khác	30.268.518.707	67.121.609.205
Cộng	601.148.270.238	420.044.639.205

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu thập
Kỳ này					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	676.850.000	129.250.000	-	806.100.000
Phạm Đức Duy	Trưởng BKS (từ 21/08/2023)	276.300.000	55.050.000	-	331.350.000
Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/04/2024)	188.850.000	10.000.000	-	198.850.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	399.550.000	78.900.000	-	478.450.000
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	328.000.000	63.000.000	-	391.000.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	324.000.000	63.000.000	-	387.000.000
Cộng		2.193.550.000	399.200.000	-	2.592.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNGĐịa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Kỳ trước****Hội đồng quản trị**

Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	476.880.600	-	-	476.880.600
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS (đến ngày 21/08/2023)	238.970.721	-	-	238.970.721
Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Trưởng BKS (từ 21/08/2023)	163.366.080	-	-	163.366.080
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	306.423.678	-	-	306.423.678
Nguyễn Phùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc (từ 29/06/2023)	47.581.000	-	-	47.581.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	284.351.100	-	-	284.351.100
Cộng		1.823.996.857	-	-	1.823.996.857

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (TCOTS)
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Xuân Cầu
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con của TCOTS
Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	49.680.611.304	51.060.628.296
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh	-	132.013.468
<i>Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	136.750.232	118.272.725
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.860.816.014	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	3.804.966.582
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	4.250.884.574	5.580.000.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	5.580.000.000	5.277.046.000
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	4.052.456.400	118.272.725
<i>Chi trả cổ tức cho:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	27.899.997.500

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.16, V.17, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ ngoài khơi.
- Lĩnh vực kinh doanh: Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	626.562.682.148	79.680.611.304	706.243.293.452
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.562.682.148	79.680.611.304	706.243.293.452
Giá vốn hàng bán	(480.850.038.068)	(63.389.300.616)	(544.239.338.684)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	145.712.644.080	16.291.310.688	162.003.954.768
Chi phí bán hàng			(1.518.789.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(37.981.869.080)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			122.503.296.236
Doanh thu hoạt động tài chính			9.628.862.150
Chi phí tài chính			(30.196.172.905)
Thu nhập khác			333.613.018
Chi phí khác			(347.976.431)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(19.754.772.868)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			82.166.849.200
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	347.214.348.916	81.680.893.006	428.895.241.922
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.214.348.916	81.680.893.006	428.895.241.922
Giá vốn hàng bán	(290.433.135.363)	(35.456.399.612)	(325.889.534.975)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.781.213.553	46.224.493.394	103.005.706.947
Chi phí bán hàng			(556.453.182)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(30.127.015.989)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			72.322.237.776
Doanh thu hoạt động tài chính			3.352.670.598
Chi phí tài chính			(35.536.988.489)
Thu nhập khác			3.578.812.308
Chi phí khác			(523.794.843)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.666.729.075)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			38.526.208.275

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 52-54 đường Trương Văn Bang, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ ngoài khơi	Cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.609.368.991.039	127.680.350.982	1.737.049.342.021
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			400.514.270.000
Tổng tài sản			2.137.563.612.021
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.001.095.539.193	282.434.095.945	1.283.529.635.138
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.258.142.252
Tổng nợ phải trả			1.285.787.777.390
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.577.147.461.345	190.562.375.642	1.767.709.836.987
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			364.746.770.000
Tổng tài sản			2.132.456.606.987
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.209.598.186.732	95.305.653.461	1.304.903.840.193
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			8.438.066.536
Tổng nợ phải trả			1.313.341.906.729

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu

Đỗ Thế Cường

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiên

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc